

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-PT  
Ngày 20 - 01 - 2022  
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất  
và yêu cầu hủy giấy chứng nhận  
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Hữu Bình

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Thành Trung  
Ông Đặng Văn Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Bích Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:**  
Bà Phạm Thị Ứng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2021/TLPT-DS, ngày 17 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 35/2020/DS-ST, ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 127/2021/QĐPT-DS, ngày 13 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Bà Sơn Thị Cam P, sinh năm 1946; địa chỉ khóm H, phường C, thành phố T, tỉnh T (vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp của bà Sơn Thị Cam P:* Bà Kim Sơn Thái H, sinh năm 1974; địa chỉ ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh T, theo văn bản ủy quyền ngày 11/3/2019 (có mặt).

2. Bà Sơn Thị Hoa T, sinh năm 1951; địa chỉ khóm H, phường C, thành phố T, tỉnh T (vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp của bà Sơn Thị Hoa T:* Anh Phạm Minh L, sinh năm 1993; địa chỉ ấp Ô, xã T, huyện L, tỉnh T, theo văn bản ủy quyền ngày 13/7/2021 (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Nguyễn Thanh H - Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh T (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Trương Phước T, sinh năm 1960 (có mặt);
  2. Bà Trương Thị Ngọc V, sinh năm 1969 (vắng mặt);
  3. Ông Trương Ngọc H, sinh năm 1964 (vắng mặt);
- Cung địa chỉ: Khóm H, phường C, thành phố T, tỉnh T

*Người đại diện hợp pháp của bà Trương Thị Ngọc V, ông Trương Ngọc H:* Ông Trương Phước T, sinh năm 1960; địa chỉ khóm H, phường C, thành phố T, tỉnh T, theo văn bản ủy quyền ngày 10/4/2019 (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trương Thị Xuân M, sinh năm 1962 (vắng mặt);
2. Ông Trương Phước V, sinh năm 1964 (vắng mặt);
3. Ông Trương Phước V1, sinh năm 1966 (vắng mặt);
4. Anh Kim Hoàng P, sinh năm 1994 (vắng mặt);
5. Chị Trương Dương Mai L, sinh năm 1986 (vắng mặt);
6. Chị Trương Dương Mai H1, sinh năm 1990 (vắng mặt);
7. Anh Trương Dương Mai L1, sinh năm 1995 (vắng mặt);
8. Bà Dương Thị H2, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Khóm H, phường C, thành phố T, tỉnh T.

*Người đại diện hợp pháp của bà Trương Thị Xuân M; ông Trương Phước V; ông Trương Phước V1; anh Kim Hoàng P; chị Trương Dương Mai L; chị Trương Dương Mai H1; bà Dương Thị H2:* Ông Trương Phước T, sinh năm 1960; cùng địa chỉ khóm H, phường C, thành phố T, tỉnh T; theo văn bản ủy quyền ngày 10/4/2019, ngày 20/8/2019 và ngày 13/9/2019 (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trương Phước V:* Anh Nguyễn Tấn L là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh T (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Sơn Thị Cam P và bà Sơn Thị Hoa T là nguyên đơn trong vụ án.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 07/01/2019, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Nguồn gốc đất tranh chấp thửa 1407, diện tích 650m<sup>2</sup> tọa lạc tại khóm H, phường C, thành phố T là của bà Trần Thị H3 (mẹ của bà Cam P và bà Hoa T) để lại. Vào năm 1983 bà Trần Thị H3 có đăng ký kê khai diện tích 2.500m<sup>2</sup> thuộc thửa 965, nhưng đến năm 1996 bà H3 chỉ được cấp quyền sử dụng đất diện tích 1.850m<sup>2</sup> thuộc thửa 1406, còn lại diện tích 650m<sup>2</sup> thuộc thửa 1407 thì Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Lý Thị L (mẹ của các bị đơn). Trước năm 1975 bà Trần Thị H3 cho bà Lý Thị L (mẹ của bị đơn) mượn khoảng 300m<sup>2</sup> để cất nhà ở (hiện nay là hộ ông T đang sử dụng) nhưng năm 1991 bà L kê khai đăng ký diện tích 650m<sup>2</sup> và năm 1996 bà L được Ủy ban nhân dân huyện C (nay là thành phố T) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1407 diện tích 650m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 1,

tọa lạc khóm H, phường C, thành phố T, tỉnh T. Sau khi bà Lượng chết để lại cho ông Tỉnh, bà Vinh, ông H2 ở cho đến nay.

Nay, bà Hoa T và bà Cam P yêu cầu ông T, bà V, ông H phải có nghĩa vụ trả cho bà T, bà P diện tích đất 650m<sup>2</sup> (thực đo 645,8m<sup>2</sup>) trọn thửa 1407 nêu trên. Đồng thời, yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Lý Thị L tại thửa 1407. Đối với phần diện tích đất Nhà nước thu hồi làm đường Đ thì bà P, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Theo bị đơn ông Trương Phước T, đồng thời là người đại diện hợp pháp của các bị đơn khác trong vụ án trình bày:*

Nguồn gốc đất thửa 1407, diện tích 650m<sup>2</sup> (thực đo 645,8m<sup>2</sup>) là của cha, mẹ ông cụ Trương Phước L1 (chết) và cụ Lý Thị L (chết) tạo lập và quản lý sử dụng liên tục từ năm 1960 đến nay. Quá trình sử dụng cụ Lý Thị L cất nhà, trồng cây, xây dựng lò bánh tráng, năm 1991 cụ L kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1996 thuộc thửa 1407, diện tích 650m<sup>2</sup>, tọa lạc ấp Đ, xã L, huyện C (nay là khóm H, phường C, thành phố T), tỉnh Trà Vinh. Bà Hoa T và bà Cam P yêu cầu gia đình ông trả đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Xuân M, ông Trương Phước V, ông Trương Phước V1, anh Kim Hoàng P, chị Trương Dương Mai L, chị Trương Dương Mai H1, bà Dương Thị H2, do ông Trương Phước T làm đại diện, có ý kiến trình bày như ông Trương Phước T.

Tại bản án sơ thẩm số 35/2020/DS-ST ngày 11/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị Cam P, bà Sơn Thị Hoa T về yêu cầu ông Trương Phước T, bà Trương Thị Ngọc V, ông Trương Ngọc H trả các bà quyền sử dụng đất diện tích đất 650m<sup>2</sup> (thực đo 645,8m<sup>2</sup>) trọn thửa 1407 tư liệu năm 1991 (tư liệu 2004 là thửa 131, 132 tờ bản đồ số 30) loại đất TQ, tờ bản đồ số 1, tọa lạc khóm H, phường C, thành phố T, tỉnh T do hộ bà Lý Thị L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996. Đồng thời không chấp nhận yêu cầu của bà P, bà T về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 1407 nêu trên.

Ông Trương Phước T và thành viên hộ gồm bà Trương Thị Ngọc V, ông Trương Ngọc H, anh Kim Hoàng P và các đồng thừa kế của bà Lý Thị L gồm: Bà Trương Thị Xuân M, ông Trương Phước V, ông Trương Phước V1, chị Trương Dương Mai L, chị Trương Dương Mai H1, anh Trương Dương Mai L1, bà Dương Thị H2 tiếp tục quản lý sử dụng phần đất nêu trên. Trên đất có nhà, công trình phụ, chuồng heo, cây cối của hộ ông T, bà V, ông H đang quản lý sử dụng.

Đối với phần đất nhà nước thu hồi mở đường Đồng Khởi, các đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên vị trí tứ cận thửa đất tranh chấp, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và quyền thỏa thuận, tự nguyện, yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 21/12/2021, bà Sơn Thị Cam P và bà Sơn Thị Hoa T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết buộc phía bị đơn giao trả quyền sử

dụng đất thuộc thửa số 1407, diện tích 650m<sup>2</sup> (thực đo 645,8m<sup>2</sup>) tờ bản đồ số 01, tọa lạc khóm H, phường C, thành phố T, tỉnh T và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Lý Thị L vào năm 1996.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*\* Ý kiến của vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Việc Tòa án cấp sơ thẩm công nhận phần diện tích đất 645,8m<sup>2</sup> thuộc thửa 1407 cho bị đơn là không đảm bảo quyền lợi cho các hộ lân cận cụ thể theo sơ đồ đo đạc thửa 1407 lần sang phần C, E thuộc thửa 1406 diện tích 20,5m<sup>2</sup>, phần D thuộc thửa 1408 diện tích 8,7m<sup>2</sup>, phần F thuộc thửa 1404 diện tích 5,0m<sup>2</sup>, việc không đưa các chủ sử dụng đất vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, khi giải quyết tranh chấp đất giao đất cho bị đơn mà không xem xét lỗi đi cho nguyên đơn là không giải quyết hết tính chất của vụ án, việc nhà nước thu hồi đất thửa 1407 cần phải xác định mất bao nhiêu đất còn lại bao nhiêu đất để xác định đất của ông T còn lại bao nhiêu việc này chưa được cấp sơ thẩm làm rõ, Nguyên đơn có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền vào tham gia tố tụng là thiếu sót đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để giải quyết lại.

*\* Ý kiến vị Luật sư thực hiện quyền trợ giúp pháp lý bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông Trương Phước V:* Thửa 1407 diện tích 645,8m<sup>2</sup> về phía nguyên đơn cũng thừa nhận bà Lý Thị L mẹ của ông T quản lý từ năm 1960 qua các thời kỳ đăng ký kê khai cấp quyền sử dụng đất bà L kê khai đóng thuế cho nhà nước đến năm 1996 bà L được cấp quyền sử dụng đất và sử dụng ổn định lâu dài. Nguyên đơn cho rằng thửa 1407 bà H3 mẹ của các nguyên đơn kê khai vào năm 1983 và được chính quyền địa phương xác nhận việc xác nhận này là không đúng đối tượng vì bà H3 không có quản lý đất và không thể hiện có giấy tờ chứng cứ bà H3 cho bà Lương mượn hay ở nhờ. Đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm.

*\* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguồn gốc quá trình sử dụng thửa đất 1407 diện tích 645,8m<sup>2</sup> tọa lạc khóm H, phường C, thành phố T, tỉnh T là của hộ là Lý Thị L nên bác yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, tuy nhiên việc giao đất cho ông T theo sơ đồ đo đạc có lần sang thửa 1408 ký hiệu D diện tích 8,7m<sup>2</sup>, lần sang phần C, E thuộc thửa 1406 diện tích 20,5m<sup>2</sup>, phần F thuộc thửa 1404 diện tích 5,0m<sup>2</sup> có liên quan đến quyền lợi của các chủ sử dụng đất lân cận, việc không đưa những người này vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, khi giao đất cho ông T không xem xét lỗi đi cho phía nguyên đơn là chưa xem xét tính toàn diện vụ kiện. Nguyên đơn có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban cấp có thẩm quyền vào tham gia tố tụng là thiếu sót, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự hủy án sơ thẩm để giải quyết lại.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày tranh luận của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ tranh chấp, giải quyết theo đúng thẩm quyền.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Sơn Thị Cam P và bà Sơn Thị Hoa T yêu cầu các bị đơn giao trả quyền sử dụng đất thuộc thửa số 1407, diện tích 650m<sup>2</sup> (thực đo 645,8m<sup>2</sup>), tờ bản đồ số 01, tọa lạc khóm H, phường C, thành phố T, tỉnh T và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Lý Thị L thửa số 1407.

Nhận thấy, về nguồn gốc đất tranh chấp theo tư liệu năm 1983 thuộc thửa 965, diện tích 2.500m<sup>2</sup> do cụ Trần Thị H3 (là mẹ của bà Hoa T và bà Cam P) kê khai trên sổ mục kê, đến năm 1991 cụ Lý Thị L (mẹ của các bị đơn) kê khai diện tích 650m<sup>2</sup>, thuộc thửa 1407, tọa lạc ấp Đ, xã L, huyện C (nay là khóm H, phường C, thành phố T) đến năm 1996 cụ L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qua các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án xét thấy, mặc dù vào năm 1983 cụ Trần Thị H3 là mẹ của nguyên đơn có kê khai phần đất tranh chấp, nhưng thực tế cụ Lý Thị L đã quản lý, sử dụng đất từ trước năm 1975, sau khi cụ L chết các con cụ L tiếp tục quản lý sử dụng đất, điều này được chính nguyên đơn và những người sống tại địa phương thừa nhận.

Bà Sơn Thị Cam P và Sơn Thị Hoa T cho rằng cụ H có cho hộ cụ Lý Thị L ở nhờ trên đất từ trước năm 1975, năm 1990 cụ H có tranh chấp đất với cụ L nhưng chưa được giải quyết xong. Tuy nhiên phía nguyên đơn không chứng minh được có việc cụ H cho cụ L ở nhờ trên đất từ trước năm 1975, nguyên đơn chỉ cung cấp một thư mời (bản photocopy) thể hiện “*nay thống nhất của Ban hòa giải ấp Diệp Thạch mời bà Trần Thị H3 đúng 07 giờ sáng mai tức ngày 18/6/1990 đến nhà tôi Thạch Nhứt để giải quyết tranh chấp đất đai*” (BL 32) nhưng nội dung không thể hiện tranh chấp đất đai với ai, không có biên bản hòa giải, qua xác minh ông Thạch N (nguyên Trưởng ban nhân dân ấp Đ) xác nhận ông chỉ giải quyết tranh chấp một lần vào ngày 27/8/2002 giữa bà Hoa T với cụ L về việc tranh chấp lối đi và có lập biên bản giải quyết (BL 289). Từ những phân tích trên xét thấy gia đình bị đơn đã sử dụng đất ổn định, liên tục từ trước năm 1975, nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh có việc cho ở nhờ trên đất, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

Tuy nhiên việc cấp sơ thẩm căn cứ vào Công văn số 811/CN-TPTV ngày 8/12/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố T kèm theo sơ đồ thửa đất (BL 374, 375) tuyên giao thửa 1407 diện tích đất 650m<sup>2</sup> (thực đo 645,8m<sup>2</sup>) tờ bản đồ số 1 tọa lạc khóm H, phường C, thành phố T, tỉnh T cho ông Trương Phước T, bà Trương Thị Ngọc V, ông Trương Ngọc H và các đồng thừa kế của cụ L tiếp tục sử dụng theo vị trí kích thước của sơ đồ thửa đất kèm theo Công văn số 811/CNVPĐKĐĐ ngày 8/12/2020 do hộ bà Lý Thị L (chết) đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996, không thể thi hành án được bởi lẽ:

Hướng bắc không có thửa 1048 mà chỉ có thửa 1408, sơ đồ thửa đất kèm theo Công văn số 811/CNVPĐKĐĐ ngày 8/12/2020 thì 1407 lấn sang thửa 1406 hộ của nguyên đơn ký hiệu C, E diện tích 20,5m<sup>2</sup>, lấn sang thửa 1408 hộ bà Lý Thị T ký hiệu D diện tích 8,7m<sup>2</sup>, lấn sang thửa 1404 hộ ông R ký hiệu F diện tích 5,0m<sup>2</sup>. Ngày 10/01/2022, hộ ông Kim C và bà Lý Thị T có đơn khiếu nại không đồng ý về việc chỉ ranh đo mà trước đó ông bà chỉ vì phần đất của ông bà bị mất, ông bà yêu cầu giữ nguyên hiện trạng theo tư liệu địa chính trên bản đồ. Do có ảnh hưởng đến quyền lợi và điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ này nhưng cấp sơ thẩm không xem xét đưa họ vào tham gia tố tụng là thiếu sót.

Phần đất của phía nguyên đơn thuộc thửa 1406 nằm về hướng đông bị bao bọc bởi các bất động sản liền kề việc tuyên cho phía bị đơn được tiếp tục sử dụng thửa 1407 mà không xem xét lối đi vào thửa 1406 là chưa giải quyết hết tính toàn diện của vụ kiện.

Đối với việc thu hồi quyền sử dụng đất tại thửa 1407 để làm đường Đồng Khởi tuy rằng các đương sự không có tranh chấp vì thửa 1407 tiếp giáp đường Đồng Khởi, nhưng cấp sơ thẩm phải xem xét thu thập thêm hồ sơ thu hồi đất của thửa 1407 để làm cơ sở xác định diện tích thu hồi là bao nhiêu, diện tích còn lại bao nhiêu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xem xét vụ án khách quan. Từ những vi phạm nghiêm trọng về nội dung và tố tụng của cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm không thể bổ sung khắc phục được nên hủy toàn bộ bản án của cấp sơ thẩm giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân thành phố T xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm là có căn cứ để chấp nhận.

Chấp nhận yêu cầu của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Không chấp nhận yêu cầu của Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan .

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Sơn Thị Cam P và bà Sơn Thị Hoa T là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí và có đơn xin được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Sơn Thị Cam P và bà Sơn Thị Hoa T.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
  - Hủy bản án sơ thẩm số 35/2020/DS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, giao toàn bộ hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân thành phố T xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.
  - Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.
  - Án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm .
- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Hữu Bình**

